

Số: 166/TB-BVVĐ

Vân Đồn, ngày 30 tháng 7 năm 2026

## THÔNG BÁO

### Về việc bán tài sản công theo phương thức chỉ định

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số Quyết định số 718/QĐ-BVVĐ ngày 25/6/2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn về việc thanh lý tài sản

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 388/2026/07550 ngày 24/7/2026 của Công ty TNHH Tư vấn và thẩm định giá DHA;

Căn cứ quyết định số 886/QĐ-BVVĐ ngày 27/7/2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn về việc Phê duyệt giá bán đối với tài sản thanh lý là: Tài sản cũ hỏng, thanh lý của Bệnh viện đa khoa khu vực Vân Đồn theo Quyết định số 718/QĐ-BVVĐ ngày 25/6/2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-BVVĐ ngày 28/7/2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn về việc bán tài sản theo phương thức chỉ định.

Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn thông báo công khai bán tài sản (tài sản tại Quyết định số 718/QĐ-BVVĐ ngày 25/6/2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn về việc thanh lý tài sản ) theo phương thức chỉ định:

1. Thông tin về tài sản :

- Tài sản bán theo phương thức chỉ định: tài sản tại Quyết định số 718/QĐ-BVVĐ ngày 25/6/2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn (bảng kê tài sản theo phục lục đính kèm).

- Giá bán tài sản chỉ định: 9.942.400 đồng (Chín triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng./.) (Giá trên không bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí và mọi chi phí trong quá trình vận chuyển di dời tài sản)

- Nơi để tài sản: Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn, khu phố Hạ Long 4 – Đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

- Hình thức nộp tiền: Chuyển khoản.

- Thời hạn nộp tiền mua tài sản: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản, người mua tài sản có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho Bệnh viện Đa khoa Khu vực Vân Đồn.

2. Thời hạn nộp đơn đề nghị mua tài sản:

- Thời gian nộp đơn đề nghị mua tài sản: từ ngày 30/7/2026 đến 16h30 ngày 05/8/2026 (trong giờ hành chính).

- Hồ sơ đề nghị mua tài sản bao gồm:

+ Đơn đề nghị mua tài sản

+ Căn cước công dân (Bản sao) trong trường hợp người mua tài sản là cá nhân;

+ Đăng ký kinh doanh (Bản sao) và Căn cước công dân của Người đại diện theo pháp luật (bản sao) trong trường hợp người mua tài sản là tổ chức;

+ Văn bản ủy quyền kèm theo (Nếu có);

- Phức thức xác định người được mua tài sản: thực hiện bán cho người đầu tiên nộp văn bản đề nghị mua tài sản.

3. Quy định về người được quyền tham gia mua tài sản:

Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thì được quyền tham gia đăng ký mua tài sản trừ trường hợp tại Mục 4 của Thông báo này.

4. Quy định về người không được tham gia mua tài sản (căn cứ khoản 3 điều 26 nghị định 186/2025/NĐ-CP):

a) Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký mua tài sản không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.

b) Người có thẩm quyền quyết định bán tài sản; người trực tiếp giám định, đánh giá lại giá trị tài sản.

c) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại điểm b khoản này.

5. Nơi tiếp nhận hồ sơ:

Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn. Địa chỉ: khu phố Hạ Long 4, Đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 02033.874.255 (hoặc đ/c Việt – phòng Tổ chức Hành chính: 0982405888).

Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn trân trọng thông báo./.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Huy Tiến**





**BẢNG KÊ TÀI SẢN THANH LÝ  
BÁN THEO PHƯƠNG THỨC CHỈ ĐỊNH**

(Kèm Thông báo số 166/TB-BVVD ngày 30/7/2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn)

| STT | Tên tài sản, thiết bị          | Thông tin                                                        | Đơn vị tính | SL | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|----|---------|------------|---------|
| 1   | Máy xét nghiệm nước tiểu       | Model: ClimniletSratus<br>SN:8D76                                | Cái         | 1  | 28.000  | 28.000     |         |
| 2   | Ghế răng                       | Model: ST-D302<br>SN: 109321497                                  | Cái         | 1  | 600.000 | 600.000    |         |
| 3   | Hệ thống đồng bộ điều trị TMH  | Model: SN601,<br>SN805<br>SN: SN601-357904699<br>SN805-357904699 | Cái         | 1  | 720.000 | 720.000    |         |
| 4   | Máy siêu âm chẩn đoán xách tay | Model: UF-450AX<br>SN: 50200302                                  | Cái         | 1  | 96.000  | 96.000     |         |
| 5   | Ghế răng                       | Model: ST-D302<br>SN: 109321494                                  | Cái         | 1  | 600.000 | 600.000    |         |
| 6   | Máy tạo Oxy di động            | Model: REF 525KS<br>SN: 15501                                    | Cái         | 1  | 124.000 | 124.000    |         |
| 7   | Máy tạo Oxy di động            | Model: REF 525KS<br>SN:525KD033 REY<br>C TABB                    | Cái         | 1  | 124.000 | 124.000    |         |

|    |                          |                                               |     |   |         |         |  |
|----|--------------------------|-----------------------------------------------|-----|---|---------|---------|--|
| 8  | Máy tạo Oxy di động      | Model: REF 525KS<br>SN:15501/730050           | Cái | 1 | 124.000 | 124.000 |  |
| 9  | Máy xét nghiệm nước tiểu | Model:<br>ClimmiletStratus<br>SN:NY10591-5097 | Cái | 1 | 28.000  | 28.000  |  |
| 10 | Máy xét nghiệm nước tiểu | Model:<br>ClimmiletStratus<br>SN:8D76         | Cái | 1 | 28.000  | 28.000  |  |
| 11 | Máy xét nghiệm nước tiểu | Model:<br>ClimmiletStratus<br>SN:8D76         | Cái | 1 | 28.000  | 28.000  |  |
| 12 | Máy xét nghiệm nước tiểu | Model:<br>ClimmiletStratus<br>SN:NY10591-5097 | Cái | 1 | 28.000  | 28.000  |  |
| 13 | Máy xét nghiệm nước tiểu | Model:<br>ClimmiletStratus<br>SN:NY10591-5097 | Cái | 1 | 28.000  | 28.000  |  |
| 14 | Máy khí dung             | Model: 402A1<br>SN:<br>DADB79FFBAA            | Cái | 1 | 130.400 | 130.400 |  |
| 15 | Máy tạo Oxy di động      | Model: REF 525KS<br>SN:J730049KS              | Cái | 1 | 140.000 | 140.000 |  |
| 16 | Máy tạo Oxy di động      | Model: REF 525KS<br>SN:57300061KS             | Cái | 1 | 148.000 | 148.000 |  |

|    |                                                                                              |                                                                      |     |   |         |         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----|---|---------|---------|
| 17 | Máy tạo Oxy di động                                                                          | Model: REF 525KS<br>SN:525KD033 REY<br>C TABB                        | Cái | 1 | 156.000 | 156.000 |
| 18 | Hệ thống đồng bộ điều<br>trị TMH                                                             | Model: SN601,<br>SN805<br>SN: SN601-<br>357904699<br>SN805-357904699 | Cái | 1 | 720.000 | 720.000 |
| 19 | Máy in phim khô                                                                              | Model: DRY<br>PIX2000SN:<br>76217587                                 | Cái | 1 | 280.000 | 280.000 |
| 20 | Lòng áp sơ sinh                                                                              | Model: C1186<br>SN: CL00919                                          | Cái | 1 | 400.000 | 400.000 |
| 21 | Máy vi tính cố định<br>Intel NUC: CPU<br>N3700/DDR4<br>III4G/SSD 120GB/<br>LED 21,5" full HD |                                                                      | Bộ  | 1 | 32.000  | 32.000  |
| 22 | Tủ máy 19' + khay cố<br>định                                                                 |                                                                      | Cái | 1 | 240.000 | 240.000 |
| 23 | Máy tính cố định Đồng<br>Nam Á                                                               |                                                                      | Bộ  | 1 | 56.000  | 56.000  |
| 24 | Máy vi tính cố định HP                                                                       |                                                                      | Bộ  | 1 | 56.000  | 56.000  |
| 25 | Mái nhựa thông minh<br>sánh Khoa Cấp cứu                                                     |                                                                      |     | 1 | 272.000 | 272.000 |
| 26 | Máy vi tính cố định HP                                                                       |                                                                      | Bộ  | 1 | 56.000  | 56.000  |

|    |                                            |  |     |   |         |         |  |
|----|--------------------------------------------|--|-----|---|---------|---------|--|
| 27 | Máy vi tính cổ định HP                     |  | Bộ  | 1 | 56.000  | 56.000  |  |
| 28 | Máy vi tính cổ định HP                     |  | Bộ  | 1 | 56.000  | 56.000  |  |
| 29 | Ti vi Led samsung 48J5100 48 inch          |  | Cải | 1 | 32.000  | 32.000  |  |
| 30 | Quầy gỗ thanh toán viện phí                |  | Cải | 1 | 0       | 0       |  |
| 31 | Mái che nhà cầu khu khám sang khu điều trị |  |     | 1 | 120.000 | 120.000 |  |
| 32 | Mái tôn khu nhà dinh dưỡng 2021            |  |     | 1 | 120.000 | 120.000 |  |
| 33 | Máy tính cổ định LED AOC 20"               |  |     | 1 | 52.000  | 52.000  |  |
| 34 | Máy tính đồng bộ HP L1221 (trạm)           |  |     | 1 | 52.000  | 52.000  |  |
| 35 | Máy tính FPT Elead (trạm)                  |  |     | 1 | 52.000  | 52.000  |  |
| 36 | Máy tính FPT Elead (trạm)                  |  |     | 1 | 52.000  | 52.000  |  |
| 37 | Máy tính FPT Elead (trạm)                  |  |     | 1 | 52.000  | 52.000  |  |
| 38 | Máy tính FPT Elead (trạm)                  |  |     | 1 | 52.000  | 52.000  |  |
| 39 | Máy tính FPT Elead (trạm)                  |  |     | 1 | 52.000  | 52.000  |  |
| 40 | Máy tính FPT Elead (trạm)                  |  |     | 1 | 52.000  | 52.000  |  |

|    |                                              |  |  |  |   |         |         |  |
|----|----------------------------------------------|--|--|--|---|---------|---------|--|
| 41 | Máy vi tính (trạm)                           |  |  |  | 1 | 52.000  | 52.000  |  |
| 42 | Máy vi tính (trạm)                           |  |  |  | 1 | 52.000  | 52.000  |  |
| 43 | Máy vi tính HP L1221                         |  |  |  | 1 | 52.000  | 52.000  |  |
| 44 | Máy vi tính trạm                             |  |  |  | 1 | 52.000  | 52.000  |  |
| 45 | Máy tính xách tay Asus                       |  |  |  | 1 | 16.000  | 16.000  |  |
| 46 | Bàn ghế tủ                                   |  |  |  | 1 | 0       | 0       |  |
| 47 | Bộ bàn ghế làm việc<br>cho nhân viên Trạm    |  |  |  | 1 | 0       | 0       |  |
| 48 | Điều hòa 9000BTU<br>(trạm)                   |  |  |  | 1 | 192.000 | 192.000 |  |
| 49 | Điều hòa 9000BTU<br>(trạm)                   |  |  |  | 1 | 192.000 | 192.000 |  |
| 50 | Điều hòa 9000BTU<br>(trạm)                   |  |  |  | 1 | 200.000 | 200.000 |  |
| 51 | Điều hòa 9000BTU<br>(trạm)                   |  |  |  | 1 | 200.000 | 200.000 |  |
| 52 | Điều hòa 9000BTU<br>(trạm)                   |  |  |  | 1 | 200.000 | 200.000 |  |
| 53 | Điều hòa 9000BTU<br>(trạm)                   |  |  |  | 1 | 200.000 | 200.000 |  |
| 54 | Máy điều hòa nhiệt độ<br>SAMSUNG<br>18000BTU |  |  |  | 1 | 224.000 | 224.000 |  |

|    |                                              |  |  |   |         |         |  |
|----|----------------------------------------------|--|--|---|---------|---------|--|
| 55 | Máy điều hòa nhiệt độ<br>SAMSUNG<br>18000BTU |  |  | 1 | 224.000 | 224.000 |  |
| 56 | Ghế gấp Hòa Phát<br>(trạm)                   |  |  | 1 | 24.000  | 24.000  |  |
| 57 | Ghế Hòa Phát dành cho<br>bệnh nhân (trạm)    |  |  | 1 | 24.000  | 24.000  |  |
| 58 | Máy chiếu Epson LCD                          |  |  | 1 | 12.000  | 12.000  |  |
| 59 | Ti vi LG 42inch (trạm)                       |  |  | 1 | 44.000  | 44.000  |  |
| 60 | Ti vi LG 42inch (trạm)                       |  |  | 1 | 44.000  | 44.000  |  |
| 61 | Ti vi LG 42inch (trạm)                       |  |  | 1 | 44.000  | 44.000  |  |
| 62 | Ti vi LG 42inch (trạm)                       |  |  | 1 | 44.000  | 44.000  |  |
| 63 | Ti vi LG 42inch (trạm)                       |  |  | 1 | 44.000  | 44.000  |  |
| 64 | Ti vi LG 42inch (trạm)                       |  |  | 1 | 44.000  | 44.000  |  |
| 65 | Ti vi LG 42inch (trạm)                       |  |  | 1 | 44.000  | 44.000  |  |
| 66 | Ti vi LG 42inch (trạm)                       |  |  | 1 | 44.000  | 44.000  |  |
| 67 | Ti vi LG 43inch (trạm)                       |  |  | 1 | 44.000  | 44.000  |  |
| 68 | Bộ loa truyền thông<br>tuyên truyền          |  |  | 1 | 40.000  | 40.000  |  |

|    |                                                                           |  |  |   |         |         |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------|--|--|---|---------|---------|--|
| 69 | Bộ loa truyền thông<br>tuyên truyền                                       |  |  | 1 | 40.000  | 40.000  |  |
| 70 | Bộ loa truyền thông<br>tuyên truyền                                       |  |  | 1 | 40.000  | 40.000  |  |
| 71 | Bộ loa truyền thông<br>tuyên truyền                                       |  |  | 1 | 40.000  | 40.000  |  |
| 72 | Bộ loa truyền thông<br>tuyên truyền                                       |  |  | 1 | 40.000  | 40.000  |  |
| 73 | Bộ loa truyền thông<br>tuyên truyền                                       |  |  | 1 | 40.000  | 40.000  |  |
| 74 | Bộ loa truyền thông<br>tuyên truyền                                       |  |  | 1 | 40.000  | 40.000  |  |
| 75 | Bộ loa truyền thông<br>tuyên truyền                                       |  |  | 1 | 40.000  | 40.000  |  |
| 76 | Hệ thống mạng LAN,<br>mạng thoại, truyền<br>hình, camera khu nhà<br>Đề án |  |  | 1 | 32.000  | 32.000  |  |
| 77 | Tủ sắt đựng tài liệu<br>(trạm)                                            |  |  | 1 | 240.000 | 240.000 |  |
| 78 | Máy phát điện<br>HONDA-SH350EX<br>(trạm)                                  |  |  | 1 | 280.000 | 280.000 |  |
| 79 | Máy phát điện<br>HONDA-SH350EX<br>(trạm)                                  |  |  | 1 | 280.000 | 280.000 |  |
| 80 | Biển tên công trạm<br>Bình Dân                                            |  |  | 1 | 48.000  | 48.000  |  |

|    |                                                                                                             |     |  |   |        |                  |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--|---|--------|------------------|--|
| 81 | Biển tên công trạm<br>Ngọc Vũng                                                                             |     |  | 1 | 48.000 | 48.000           |  |
| 82 | Biển tên công trạm<br>Thắng Lợi                                                                             |     |  | 1 | 48.000 | 48.000           |  |
| 83 | Biển tên công trạm TT<br>Cải Rông                                                                           |     |  | 1 | 48.000 | 48.000           |  |
| 84 | Biển tên công trạm Vạn<br>Yên                                                                               |     |  | 1 | 48.000 | 48.000           |  |
| 85 | Bộ Camera giám sát 8<br>công: 01 đầu ghi hình<br>500GB/04 Cam trong<br>nhà/04 Cam ngoài trời (<br>full HD)  | Bộ  |  | 1 | 32.000 | 32.000           |  |
| 86 | Tivi LED SONY KLV<br>40452A TIV12015-01                                                                     | Cái |  | 1 | 44.000 | 44.000           |  |
| 87 | Máy vi tính cố định<br>Intel NUC: CPU<br>N3700/DDR4M<br>III4G/SSD 120GB/<br>LED 21,5" full HD<br>MVT2016-01 | Bộ  |  | 1 | 56.000 | 56.000           |  |
| 88 | Ti vi TOSHIBA 32inch<br>32A3500 TV2008-03                                                                   | Cái |  | 1 | 64.000 | 64.000           |  |
|    | <b>Tổng cộng</b>                                                                                            |     |  |   |        | <b>9.942.400</b> |  |

**Bảng chữ: Chín triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng./.**

Ghi chú: Giá trên không bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí và mọi chi phí trong quá trình vận chuyển đi dời tài sản./.